TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/KDTM-ST.
Ngày: 28/6/2022.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai.

2. Ông Đặng Văn Tần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Công - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2021/TLST-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-KDTM ngày 07/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số 89, phường L, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Tuấn A** – Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý Ngân hàng TMCP V.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Vương Văn Th1**, ông **Lê Phúc L** – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V. Đều có mặt.

2. Bị đơn: - Ông **Vũ Văn Đ**, sinh năm 1965;

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Thôn 3B, xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Vũ Thị B**, sinh năm 1970;

- Anh **Nguyễn Tiến Th**, sinh năm 1994; chị **Kiều Thị Ng**, sinh năm 1998; cháu **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 2017; cháu **Nguyễn Tuệ Nh**, sinh năm 2020.

Người đại diện hợp pháp của cháu H và cháu Nh là anh Nguyễn Tiến Th và chị Kiều Thị Ng (bố mẹ đẻ các cháu).

Cùng địa chỉ: Số 18 Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Tiến Th và chị Kiều Thị Ng là bà Vũ Thị B.

- Chị **Vũ Thị Th2**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Anh **Vũ Văn Đ1**, sinh năm 1993; chị **Nguyễn Thị Kh**, sinh năm 1996; cháu **Vũ Thị Khánh N**, sinh năm 2019; cháu **Vũ Bảo Kh1**, sinh năm 2021.

Người đại diện hợp pháp của cháu N và cháu Kh1 là anh Vũ Văn Đ1 và chị Nguyễn Thị Kh (bố mẹ đẻ các cháu).

- Anh **Vũ Văn Đ2**, sinh năm 1995 và chị **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1999; cháu **Vũ Khôi Ng1**, sinh năm 2019 và cháu **Vũ Quang Kh2**, sinh năm 2020.

Người đại diện hợp pháp của cháu Ng1 và cháu Kh2 là anh Vũ Văn Đ2 và chị Nguyễn Thị Kim O (bố mẹ đẻ các cháu).

Cùng địa chỉ: Thôn 3B, xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau*:**

Ngân hàng TMCP V cùng ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đã ký kết các thỏa thuận sau:

1. Giấy phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/8/2017 với nội dung sau: Số tiền vay **100.000.000đồng** (Một trăm triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: 2,79%/tháng (33,48%/năm). Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng miễn cho khách hàng số tiền lãi trong hạn trong thời gian 45 ngày đầu sử dụng thẻ. Tổng số tiền gốc theo thẻ tín dụng ông Vũ Văn Đ sử dụng là: 99.701.253 đồng.

Tính đến ngày 28/6/2022, ông Đ còn nợ số tiền gốc: 99.701.253 đồng, nợ tiền lãi trong hạn: 00 đồng, nợ tiền lãi quá hạn: 228.766.442 đồng. **Tổng cộng: 328.467.695 đồng.**

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN18041106848 ngày 12/4/2018 với nội dung cụ thể như sau:

Hạn mức cho vay: **900.000.000 đồng** (Chín trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn mua bán sản xuất các sản phẩm từ gỗ; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 12/4/2018; Lãi suất vay: Quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ lần 02/Số: LN1804110616848 ngày 10/10/2018: Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng; Lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất trong hạn sẽ được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân, Hết thời bạn 3 tháng, lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là 10/01/2019, mức điều chỉnh được quy định bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/năm. Lãi suất bán vốn là lãi suất do Hội sở chính của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng.
- Khế ước nhận nợ lần 06/Số: LN1804110616848 ngày 11/10/2018: Số tiền vay 145.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng; Lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất trong hạn sẽ được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân, Hết thời bạn 3 tháng, lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là 11/01/2019, mức điều chỉnh được quy định bằng: Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/năm. Lãi suất bán vốn là lãi suất do Hội sở chính của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng.
- Khế ước nhận nợ lần 07/Số: LN1804110616848 ngày 06/11/2018: Số tiền vay 280.000.000 đồng, thời hạn vay 5 tháng; Lãi suất vay: 10%/năm, lãi suất trong hạn sẽ được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân, Hết thời bạn 3 tháng, lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là 06/02/2019, mức điều chỉnh được quy định bằng: Lãi suất tiết kiệm thường VNĐ tại quầy kỳ hạn 24 tháng theo mức tiền gửi cao nhất của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%.
- Khế ước nhận nợ lần 08/Số: LN1804110616848 ngày 07/11/2018: Số tiền vay 275.000.000 đồng, thời hạn vay 5 tháng; Lãi suất vay: 10%/năm, lãi suất trong hạn sẽ được cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân, Hết thời bạn 3 tháng, lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiền là 07/02/2019, mức điều chỉnh được quy định bằng: Lãi suất tiết kiệm thường VNĐ tại quầy kỳ hạn 24 tháng theo mức tiền gửi cao nhất của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Đ, bà T và bên thứ 3 đã thế chấp tài sản gồm:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16, diện tích 56,5m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài; địa chỉ thửa đất: Thôn Đ (nay là tổ dân phố Đ), thị trấn L, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 083913 , số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01481/QSDĐ/3709/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 09/10/2009. Chủ sử dụng đất là bà Vũ Thị B do nhận chuyển nhượng.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 06, diện tích 304m^2; địa chỉ thửa đất: Cụm 11 (nay là thôn 3B), xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số T 009158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145.QSDĐ/864.QĐ-UB-H do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 30/10/2001. Chủ sử dụng đất là Hộ ông Vũ Văn Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đã trả được cho Ngân hàng 3.541.135đồng, trong đó: 50.110đồng tiền gốc và 3.491.025đồng tiền lãi. Từ ngày 13/12/2018 ông Đ và bà T không tiếp tục thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết nhưng ông bà đã không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tính đến ngày 28/6/2022, ông Đ và bà T còn nợ số tiền gốc 899.949.890 Đồng, nợ lãi trong hạn: 8.515.265 đồng, nợ lãi quá hạn: 532.434.295 đồng, phạt chậm trả (Lãi trên lãi): 102.719.795 đồng. **Tổng cộng: 1.543.619.245 đồng.**

Tổng số tiền nợ của hai khoản vay trên (Thẻ tín dụng + Hợp đồng tín dụng) tính đến ngày 28/6/2022 là: **1.872.086.940 đồng.**

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T trả Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 28/6/2022 là **1.872.086.940 đồng**. Trong đó nợ gốc: 999.651.143 đồng, nợ lãi trong hạn: 8.515.265 đồng, nợ lãi quá hạn: 761.200.737 đồng, phạt chậm trả: 102.719.795 đồng. Ông Đ và bà T phải tiếp tục trả toàn bộ tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/6/2022 theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Đ và bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Mọi công trình, tài sản cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho các nghĩa vụ của khoản vay.

Tại văn bản ngày 11/10/2021, các văn bản tiếp theo, bị đơn là ông Vũ Văn Đ trình bày:

Ông Đ công nhận năm 2017 cùng Ngân hàng TMCP V có ký Giấy phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử từ ngày 16/8/2017 giao kết vay 100.000.000 đồng và vợ chồng ông cùng ký Hợp đồng cho vay hạn mức số LN18041106848 ngày 12/4/2018 với ngân hàng để vay số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay và lãi suất của hai khoản vay trên như Ngân hàng trình bày là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay thì gia đình ông có thế chấp tài sản như Ngân hàng đã trình bày là đúng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông bà đã trả được 1 phần gốc và lãi như Ngân hàng trình bày là đúng. Do điều kiện kinh tế, tình hình dịch bệnh khó khăn nên ông không thể tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Ông xác nhận khoản nợ còn lại của vợ chồng ông như Ngân hàng TMCP V đã kê khai tại Tòa án là đúng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà trả nợ, ông đề nghị Ngân hàng cho gia đình trả dần nợ gốc và xin toàn bộ lãi. Gia đình trả nợ dần cho Ngân hàng ít nhất mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông xin giữ lại tài sản bảo đảm để lấy chỗ sinh sống.

Tại văn bản ngày 14/10/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị B trình bày:

Bà là em gái của ông Vũ Văn Đ. Năm 2014 ông Đ có vay vốn Ngân hàng để làm ăn kinh doanh nên ông Đ có hỏi bà cho mượn số đỏ đất nhà để thế chấp bảo đảm cho khoản vay. Do nể tình cảm anh em ruột nên bà có cho ông Đ mượn sổ đỏ đất nhà. Bà thừa nhận chữ ký, chữ viết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ở để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác được lập ngày 23/9/2014 giữa bên thế chấp là bà và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP V là của bà. Theo hợp đồng này bà đồng ý thế chấp tài sản là đất, nhà thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16 diện tích 56,5m^2, tại Thôn Đ (nay là tổ dân phố Đ), thị trấn L, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của ông Đ tại Ngân hàng. Bà không biết ông Đ vay bao nhiêu tiền và đã trả nợ như thế nào. Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ ông Đ bà đề nghị ông Đ trả nợ cho Ngân hàng để giải chấp tài sản cho bà.

Tại văn bản ngày 14/4/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến Th và chị Kiều Thị Ng trình bày:

Anh chị là con của bà Vũ Thị B, anh chị là người sống tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16, tại tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Năm 2018 bà B (mẹ của anh chị) có thế chấp đất nhà nếu trên để đảm bảo cho khoản vay của ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T. Tài sản trên là của mẹ anh chị nhưng lúc thế chấp anh chị không được biết. Nay Ngân hàng khởi kiện ông Đ trả nợ, anh chị đề nghị ông Đ trả lại sổ đỏ cho gia đình.

Tại phiên hòa giải ngày 29/4/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn Đ1 trình bày:

Gia đình anh đang sinh sống tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 06 diện tích 304m^2, tại Cụm 11 (nay là thôn 3B), xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Anh đề nghị Ngân hàng miễn giảm lãi suất để gia đình anh thu xếp tất toán khoản vay cho Ngân hàng sớm nhất có thể.

Đối với chị Vũ Thị Th2, chị Nguyễn Thị Kh, anh Vũ Văn Đ2, chị Nguyễn Thị Kim O, đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng đều không có văn bản trình bày ý kiến và đều không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của họ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Các Điều 117, 119, 275, 280, 292, 295, 296, 299, 318, 319, 351, 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 05/10/2021, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 41/2021/TLST-KDTM, giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V, bị đơn là ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T trú tại xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và Hợp đồng cho vay hạn mức đã ký giữa Ngân hàng với ông Đ, bà T. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, mục đích vay tiền để Bổ sung vốn mua bán sản xuất các sản phẩm từ gỗ nên được xác định là loại vụ án Kinh doanh thương mại. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thạch Thất. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất.

Đối với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 28/6/2022 là 999.651.143 đồng, thấy rằng:

Ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T do ông Đ là đại diện đã ký Giấy phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/8/2017 (gọi tắt là Thẻ tín dụng) và ông bà cũng ký Hợp đồng cho vay hạn mức số LN18041106848 ngày 12/4/2018 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng). Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ và bà T vay tổng số tiền 999.701.253 đồng (Gồm: Thẻ tín dụng 99.701.253 đồng, Hợp đồng tín dụng 900.000.000 đồng).

Quá trình vay vốn, đến ngày 12/12/2018, ông Đ và bà T đã trả Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng được tổng số tiền là 3.541.135 đồng, trong đó: 50.110 đồng tiền gốc và 3.491.025 đồng tiền lãi.

Tính đến ngày 28/6/2022 ông Đ và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc là 999.651.143 đồng theo Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cũng xác nhận khoản nợ gốc này tại Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc 999.651.143 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả khoản nợ lãi tại Hợp đồng tín dụng số LN18041106848 ngày 12/4/2018 tính đến ngày 28/6/2022 gồm: nợ lãi trong hạn: 8.515.265 đồng, nợ lãi quá hạn: 532.434.295 đồng, phạt chậm trả (Lãi trên lãi): 102.719.795 đồng. Tổng cộng 643.669.355 đồng, thấy rằng:

Tại Hợp đồng cho vay đã ký giữa các bên đều có thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phạt chậm trả lãi (Lãi trên lãi) và mức điều chỉnh lãi suất. Xét các mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng, phù hợp với hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt

Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả các khoản tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ nên được chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình theo Hợp đồng tín dụng số LN18041106848 ngày 12/4/2018 thì tính đến ngày 28/6/2022 ông Đ và bà T còn phải trả các khoản lãi gồm: nợ lãi trong hạn: 8.515.265 đồng, nợ lãi quá hạn: 532.434.295 đồng, phạt chậm trả (Lãi trên lãi): 102.719.795 đồng. Tổng cộng 643.669.355 đồng. Ông Đ và bà T phải tiếp tục trả cho ngân hàng các khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2022 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ gốc.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả khoản nợ lãi quá hạn tại Thẻ tín dụng ngày 16/8/2017 tính đến ngày 28/6/2022, thấy rằng: Trong thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận: "*Thời hạn hạn mức, lãi suất: Theo quy định của VPBank)*. Quá trình phát hành Thẻ tín dụng thì VPBank đã ban hành các quyết định về lãi suất và điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật đối với hình thức cho vay bằng Thẻ tín dụng.

Xem xét các mức lãi suất do Ngân hàng quy định trong các quyết định áp dụng mức lãi suất đối với khoản vay Thẻ tín dụng của ông Vũ Văn Đ là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình theo Thẻ tín dụng ngày 16/8/2017 thì xác định tính đến ngày 28/6/2022, ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T còn phải trả nợ Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 228.766.442 đồng.

Đối với khoản lãi trong hạn: Ngân hàng miễn cho ông Đ bà T không phải thanh toán lãi trong hạn của khoản vay này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] . Xét yêu cầu của ông Đ về việc xin miễn toàn bộ lãi và trả dần nợ gốc mỗi tháng 10.000.000đồng: Ngân hàng không đồng ý do khoản nợ của ông Đ đã quá hạn từ lâu nên yêu cầu này của ông Đ không được chấp nhận.

[6]. Xét yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, thấy rằng:

Để đảm bảo cho toàn bộ các khoản vay trên của ông Đ và bà T thì bên thứ ba và ông Đ, bà T đã ký các hợp đồng thế chấp sau đây:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 976/2011 ngày 11/8/2011, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác (nghĩa vụ 2) số công chứng 1981/2014 ngày 07/7/2014 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTC ngày 07/7/2014 (Số công chứng 1980) tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, Thành phố Hà Nội: Hộ ông Vũ Văn Đ đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng tài sản thuộc sở hữu của mình là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 06 diện tích 304m^2, tại Cụm 11 (nay là thôn 3B), xã C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 009158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145.QSDĐ/864.QĐ-UB-H do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 30/10/2001 cho hộ ông Vũ Văn Đ. Việc thế chấp đã được

đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Thạch Thất ngày 10/7/2014. Nghĩa vụ bảo đảm cho toàn bộ khoản vay của bên thế chấp với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp trong khoảng thời gian kể từ ngày 07/7/2014 đến 07/7/2019.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3399/2014 ngày 23/9/2014 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, Thành phố Hà Nội: Bà Vũ Thị B đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng tài sản thuộc sở hữu của mình là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16 diện tích 56,5m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài, tại thôn Đ (nay là tổ dân phố Đ), thị trấn L, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 083913 , số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01481/QSDĐ/3709/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 09/10/2009 cho bà Nguyễn Thị Ch. Ngày 15/12/2009, Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thạch Thất xác nhận đăng ký sang tên bà Vũ Thị B do nhận chuyển nhượng. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Thạch Thất ngày 24/9/2014. Nghĩa vụ bảo đảm cho toàn bộ khoản vay của bên thế chấp với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp trong khoảng thời gian kể từ ngày 13/9/2014 đến 23/9/2019.

Do vậy, xác định Thẻ tín dụng ngày 16/8/2017 và Hợp đồng tín dụng số LN18041106848 ngày 12/4/2018 đều được bảo đảm bằng tài sản thế chấp mà hộ ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị B đã giao kết tại các Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chủ tài sản thừa nhận có thế chấp quyền sử dụng đất trên cho Ngân hàng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn với Ngân hàng và không có ý kiến tranh chấp gì về Hợp đồng thế chấp. Tại các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đều có đầy đủ chữ ký của bên thế chấp và bên nhận thế chấp. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, đồng thời bên thế chấp cũng đã làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Thạch Thất theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thế chấp với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, nội dung thỏa thuận phù hợp Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005, điểm c, khoản 1 Điều 10 và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm. Tại Điều 7 của các Hợp đồng thế chấp, các bên thỏa thuận: Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của bên vay. Nay ông Đ và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu xin giữ lại tài sản thế chấp của ông Đ và bà B: Ngân hàng cho rằng bên thế chấp đã tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của

ông Đ và bà T tức là đã chấp nhận rủi ro, kê biên phát mại tài sản bảo đảm trong trường hợp ông Đ và bà T không trả được nợ. Vì vậy, Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu trên của bên thế chấp nên yêu cầu này của bên thế chấp không được chấp nhận.

[9]. Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng và được trừ vào toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng là 68.162.610 đồng (được làm tròn thành 68.163.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 117, 119, 275, 280, 292, 295, 296, 299, 318, 319, 351, 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V cụ thể như sau:

Buộc ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả còn nợ tính đến ngày 28/6/2022 theo Giấy phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/8/2017 và Hợp đồng cho vay hạn mức số LN18041106848 ngày 12/4/2018 là 1.872.086.940 đồng *(Một tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi đồng)*. Trong đó: Khoản nợ theo Giấy phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/8/2017 có số tiền gốc 99.701.253 đồng, nợ tiền lãi quá hạn 228.766.442 đồng, tổng cộng 328.467.695 đồng. Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN18041106848 ngày 12/4/2018 có số tiền gốc 899.949.890 đồng, nợ lãi trong hạn 8.515.265 đồng, nợ lãi quá hạn 532.434.295 đồng, phạt chậm trả (Lãi trên lãi) 102.719.795 đồng, tổng cộng 1.543.619.245 đồng.

Kể từ ngày 29/6/2022, ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy phát hành thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp dưới đây để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T, gồm:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16 diện tích 56,5m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ thửa đất: tổ dân phố Đ(thôn Đ cũ), thị trấn L, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 083913, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01481/QSDĐ/3709/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 09/10/2009 cho bà Nguyễn Thị Ch. Ngày 15/12/2009 đăng ký sang tên bà Vũ Thị B do nhận chuyển nhượng.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 247, tờ bản đồ số 06 diện tích 304m^2, địa chỉ thửa đất: thôn 3B (Cụm 11 cũ), xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 009158, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145.QSDĐ/864.QĐ-UB-H do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 30/10/2001 cho Hộ ông Vũ Văn Đ.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì ngoài các đương sự có tên trên, các cá nhân, tổ chức nào đang thực tế sử dụng, sinh sống tại diện tích đất nêu trên cũng phải thực hiện nghĩa vụ dời đi chỗ khác để đảm bảo việc thi hành án.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V.

4. Án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu 68.163.000 đồng *(Sáu mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V phải số tiền đã nộp tạm ứng án phí 22.525.000 đồng theo biên lai số: 0025088 ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng và được trừ vào toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn